

Số: 736/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 21 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 5118/KH-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 509/TTr-SNV ngày 08/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2021.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV và Báo cáo được gửi kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC&CĐS tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, TH, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC
ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Kết quả
1	Sở Thông tin và Truyền thông	99,67%
2	Sở Nội vụ	96,95%
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	96,55%
4	Sở Tư pháp	94,20%
5	Sở Y tế	93,74%
6	Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp	93,15%
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	92,98%
8	Sở Công Thương	91,90%
9	Sở Giao thông Vận tải	90,64%
10	Sở Khoa học và Công nghệ	89,41%
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	89,09%
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88,65%
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	86,93%
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	82,08%
15	Sở Xây dựng	80,85%

*Ghi chú: Năm 2021, không thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh do số lượng mẫu điều tra khảo sát không đảm bảo theo quy định.

Phụ lục II
CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ
CỦA CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC CẤP TỈNH NĂM 2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

TT	Đơn vị	Kết quả
1	Công an tỉnh	93,66%
2	Kho bạc Nhà nước tỉnh	88,80%
3	Cục Thuế	85,66%
4	Cục Hải quan	85,33%
5	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	80,97%

Phụ lục III
CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/3/2022

của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Kết quả
1	Huyện Hiệp Đức	97,19%
2	Thành phố Hội An	93,42%
3	Thành phố Tam Kỳ	91,87%
4	Huyện Nông Sơn	90,15%
5	Huyện Phước Sơn	90,05%
6	Huyện Tiên Phước	87,47%
7	Huyện Quế Sơn	85,46%
8	Huyện Bắc Trà My	81,80%
9	Huyện Đông Giang	80,52%
10	Huyện Đại Lộc	79,64%
11	Huyện Nam Giang	77,51%
12	Huyện Phú Ninh	76,00%
13	Thị xã Điện Bàn	75,90%
14	Huyện Duy Xuyên	75,29%
15	Huyện Tây Giang	71,82%
16	Huyện Thăng Bình	68,95%
17	Huyện Núi Thành	66,28%

*Ghi chú: Năm 2021, không thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của UBND huyện Nam Trà My do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và mưa bão, tại thời điểm điều tra, điều tra viên không liên hệ được với các đối tượng điều tra, số lượng mẫu điều tra khảo sát thu được không đảm bảo theo quy định.

Phụ lục IV
CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ
CỦA CÁC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/3/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Kết quả
1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Thăng Bình	98,38%
2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Phú Ninh	98,01%
3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Hiệp Đức	97,71%
4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hội An	92,96%
5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Quế Sơn	92,63%
6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Bắc Trà My	91,49%
7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thị xã Điện Bàn	91,03%
8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Đông Giang	90,63%
9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Đại Lộc	81,60%
10	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Nông Sơn	80,27%
11	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Tam Kỳ	76,73%
12	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Phước Sơn	75,61%
13	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Duy Xuyên	73,66%
14	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Nam Giang	72,91%
15	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Tiên Phước	71,84%
16	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Núi Thành	55,34%

*Ghi chú: Năm 2021, không thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Nam Trà My và huyện Tây Giang do số lượng mẫu điều tra khảo sát thu được không đảm bảo theo quy định.